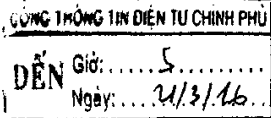


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016



QUỐC HỘI
Khóa XIII, Kỳ họp thứ 11

ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015,
KẾT QUẢ THỰC HIỆN 5 NĂM 2011 - 2015
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

BÁO CÁO CỦA CHÍNH PHỦ
do Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trình bày

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015,
KẾT QUẢ THỰC HIỆN 5 NĂM 2011 - 2015
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020
(Báo cáo của Chính phủ do Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trình bày
tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII, ngày 21 tháng 3 năm 2016)

Thưa Quốc hội,

Thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng và các vị khách,

Thưa đồng chí, đồng bào,

Theo chương trình Kỳ họp, Chính phủ đã gửi đến Quốc hội Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Theo sự phân công của đồng chí Thủ tướng, thay mặt Chính phủ, tôi xin trân trọng báo cáo Quốc hội và đồng bào cả nước những nội dung chủ yếu như sau:

A. ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015

Tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá XIII, trên cơ sở kết quả 9 tháng, Chính phủ đã báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và kế hoạch năm 2016. Trong những tháng cuối năm 2015, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Tổng hợp kết quả thực hiện cả năm, Chính phủ xin báo cáo bổ sung như sau:

Năm 2015, chúng ta đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Trong 14 chỉ tiêu chủ yếu, có 12 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, 2 chỉ tiêu không đạt. Ngoài chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng không đạt như đã báo cáo, còn thêm chỉ tiêu tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu là 7,9% (kế hoạch là khoảng 10%). So với số đã báo cáo Quốc hội, có 5 chỉ tiêu đạt tốt hơn và 2 chỉ tiêu thấp hơn¹.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 6,68%, cao nhất kể từ năm 2008². Kinh tế vĩ mô ổn định; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,6%, thấp nhất kể từ năm 2001³. Mặt bằng lãi suất, tỷ lệ nợ xấu giảm; tỷ giá được điều chỉnh chủ động, linh hoạt. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP là 32,6%; vốn FDI thực hiện đạt 14,5 tỷ USD. An sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của người dân tiếp tục được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,7 - 2%, riêng các huyện nghèo giảm 5%.

Tạo việc làm cho trên 1,62 triệu người. Cả nước có 15 huyện và 1.526 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 17,1% tổng số xã. Tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí, số vụ giảm 11,52%, số người chết giảm 3,61%, số người bị thương giảm 15,81%. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả tích cực.

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, kết quả đạt được là sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp và cho thấy những nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 như đã báo cáo Quốc hội cơ bản là phù hợp.

B. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Chính phủ tiếp tục hoàn thiện Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng giảm từ 18,13% năm 2011 xuống còn 0,6% năm 2015; mặt bằng lãi suất giảm khoảng 50% so với cuối năm 2011; dư nợ tín dụng tăng, chất lượng tín dụng từng bước được cải thiện. Tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định; khắc phục được cơ bản tình trạng sử dụng đô la, vàng trong thanh toán; niềm tin vào đồng tiền Việt Nam tăng lên. Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Kim ngạch xuất khẩu tăng khá cao, đạt bình quân 17,5%/năm. Cán cân thương mại được cải thiện; cán cân thanh toán quốc tế thặng dư; dự trữ ngoại hối đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Đẩy mạnh chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế; thu ngân sách tăng gần 2 lần so với giai đoạn trước. Tăng cường quản lý chi ngân sách, ưu tiên bảo đảm an sinh xã hội và phát triển con người. Nợ công cơ bản trong giới hạn theo quy định. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp hơn 1,8 lần so với 5 năm trước, đạt bình quân 31,7% GDP; vốn FDI thực hiện tăng 35,6%, vốn ODA giải ngân tăng 61%. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu và đẩy mạnh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước. Tăng trưởng GDP bình quân 5 năm đạt 5,91%. Quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người 2.109 USD. Khu vực công nghiệp, xây dựng phục hồi và tăng trưởng cao hơn vào những năm cuối, tăng bình quân 6,9%/năm. Khu vực nông nghiệp phát triển khá ổn định, tăng bình quân 3%/năm. Khu vực dịch vụ tăng trưởng khá, đạt bình quân 6,3%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 14,1%/năm, loại trừ yếu tố giá còn tăng 5,6%. Chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 29%; năng suất lao động tăng bình quân 4,2%/năm.

3. Ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa⁴. Tập trung triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013⁵. Quy hoạch phát triển được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với kinh tế thị trường⁶. Các loại thị trường được hình thành và từng bước phát huy hiệu quả. Thực hiện giá thị trường theo lộ trình đối với hàng hóa, dịch vụ thiết yếu gắn với hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, minh bạch, bình đẳng hơn; năng lực cạnh tranh được nâng lên.

Phát triển nguồn nhân lực đạt những kết quả tích cực. Mạng lưới giáo dục, đào tạo được mở rộng, quy mô và chất lượng được nâng lên. Đẩy mạnh dạy nghề, nhất là cho lao động nông thôn; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 51,6%. Đầu tư xã hội cho khoa học công nghệ tăng nhanh; đầu tư từ ngân sách nhà nước đạt khoảng 2% tổng chi ngân sách. Ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, thông tin truyền thông, y tế, giao thông, xây dựng có nhiều tiến bộ.

Chính sách, pháp luật và quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng tiếp tục được hoàn thiện. Đã huy động các nguồn lực, đa dạng hoá phương thức đầu tư. Nhiều công trình quan trọng, thiết yếu được đưa vào sử dụng, tạo diện mạo mới cho đất nước và góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế⁷.

4. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu. Tích cực triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực. Tập trung thực hiện tái cơ cấu về đầu tư công, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Trình ban hành và thực hiện Luật Đầu tư công, đổi mới cơ chế phân bổ vốn theo kế hoạch trung hạn. Tập trung vốn đầu tư cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết và vốn đối ứng cho các dự án ODA, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh phân cấp gắn với đề cao trách nhiệm của các Bộ ngành, địa phương và chủ đầu tư. Tăng cường thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước. Trong 5 năm, vốn FDI thực hiện đạt 60,5 tỷ USD; vốn ODA giải ngân đạt 22,3 tỷ USD; đầu tư tư nhân chiếm 38,6% tổng đầu tư toàn xã hội.

Tập trung xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, nhất là ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm an toàn hệ thống. Từng bước áp dụng chuẩn mực quản trị theo thông lệ quốc tế. Phát huy vai trò của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC). Tỉ lệ nợ xấu giảm dần⁸, đã giảm 20 tổ chức tín dụng. Thị trường tài chính có bước phát triển; mức vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt 33%, thị trường trái phiếu đạt 23% GDP.

Đẩy mạnh tái cơ cấu, tập trung cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư ngoài ngành và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; đã sắp xếp 558 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 478, đạt 93% kế hoạch. Doanh nghiệp nhà nước tập trung hơn vào những lĩnh vực then chốt, quốc phòng, an ninh, cung ứng hàng hoá và dịch vụ công thiết yếu. Quản lý nhà nước được tăng cường, hệ thống pháp luật về doanh nghiệp nhà nước được hoàn thiện, xác định rõ quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước và công khai, minh bạch hoạt động. Năng lực quản trị, tiềm lực tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước được nâng lên; vốn nhà nước được bảo toàn và phát triển⁹.

Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được chú trọng; tập trung tổ chức lại sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khai thác hải sản xa bờ. Đa dạng hóa các loại hình hợp tác liên kết, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn nông thôn. Rà soát, điều chỉnh các chính sách, tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thu hút được nhiều nguồn lực và sự tham gia của người dân.

Tái cơ cấu công nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, nâng cao giá trị quốc gia, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Từng bước tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với kinh tế thị trường¹⁰. Hỗ trợ phát triển vùng khó khăn, nhất là Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Tập trung thực hiện Chiến lược biển, đầu tư phát triển các ngành khai thác dầu khí, vận tải, cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, du lịch biển, nuôi trồng thủy sản; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

5. Văn hoá, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, đã tăng ngân sách và huy động nguồn lực để thực hiện các chính sách xã hội. Hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, nhất là về giảm nghèo. Mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách người có công, giảm nghèo, tạo việc làm, trợ giúp xã hội, tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo... Tạo việc làm cho 7,8 triệu người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14,2% năm 2010 xuống dưới 4,5% năm 2015; riêng các huyện nghèo giảm từ 58,3% xuống còn 28%. Làm tốt công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên; giảm quá tải bệnh viện đạt kết quả bước đầu. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống các bệnh viện tuyến huyện, tuyến tỉnh và tuyến cuối; phát triển đội ngũ cán bộ y tế. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 75%. Tuổi thọ trung bình đạt 73,3 tuổi. Chú trọng quản lý thuốc chữa bệnh, phát triển y học cổ truyền, công nghiệp dược và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đạt kết quả tích cực; các giá trị văn hoá dân tộc và di tích lịch sử được quan tâm bảo tồn, phát huy. Nhiều di sản được công nhận là di sản văn hoá quốc gia và thế giới¹¹. Quản lý lễ hội và các hoạt động văn hóa nghệ thuật có bước tiến bộ. Quan tâm công tác người cao tuổi, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Thể dục thể thao được đẩy mạnh. Chính sách dân tộc được chú trọng và đạt nhiều kết quả; tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm. Quản lý nhà nước về thông tin truyền thông và an toàn, an ninh thông tin mạng được quan tâm.

6. *Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai được tăng cường.* Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện. Đã phê duyệt xong quy hoạch và cơ bản hoàn thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xây dựng và đưa vào thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa tất cả 11 lưu vực sông. Quản lý, sử dụng đất đai, nguồn nước, khoáng sản hiệu quả hơn. Các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được tích cực thực hiện. Công tác kiểm tra, thanh tra được đẩy mạnh. Quan tâm bảo vệ, phát triển rừng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học. Năng lực dự báo, cảnh báo, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai được cải thiện; đã giảm 53% số người chết, mất tích và giảm 32% thiệt hại về kinh tế so với 5 năm trước. Triển khai nhiều dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động hợp tác và nhận được sự hỗ trợ của nhiều đối tác quốc tế.

7. *Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính đạt những kết quả tích cực; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng.* Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy; đổi mới chế độ công vụ, công chức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và trách nhiệm của người đứng đầu. Cải cách thủ tục hành chính có nhiều tiến bộ, đơn giản hoá, rút ngắn thời gian thực hiện, nhất là các lĩnh vực liên quan nhiều đến người dân và doanh nghiệp. Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam tăng 19 bậc¹². Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước. Công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo và có những chuyển biến; xử lý nghiêm các vi phạm. Khiếu nại, tố cáo giảm cả về số lượng và số vụ khiếu kiện đông người.

8. *Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững.* Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các giải pháp phù hợp để bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố và gắn kết chặt chẽ hơn. Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được nâng lên. Kết hợp tốt hơn giữa bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn. An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch;

tăng cường phòng, chống tội phạm; quan tâm chỉ đạo công tác phòng chống cháy nổ và an toàn lao động. Chủ động ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống. Tai nạn giao thông giảm 49,7% số vụ, 23,9% số người chết và 57,8% số người bị thương¹³.

9. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Kiên định trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia dân tộc; tích cực vận động và được cộng đồng quốc tế ủng hộ lập trường chính nghĩa của ta về vấn đề Biển Đông. Giải quyết tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Kiên trì cùng ASEAN thúc đẩy thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử (COC). Xây dựng và quản lý biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác phát triển với các nước láng giềng. Tăng cường hợp tác và đối thoại, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn¹⁴. Đối ngoại đa phương được nâng tầm, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, nguyên tắc hợp tác và đóng góp có trách nhiệm trên các diễn đàn Liên hợp quốc, ASEAN, ASEM, APEC... Thực hiện tốt công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân. Hội nhập quốc tế được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Tích cực tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và Tầm nhìn 2025. Đã ký 12 Hiệp định thương mại tự do và tiếp tục đàm phán các Hiệp định mới¹⁵, mở rộng thị trường thương mại tự do với 55 quốc gia.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế - xã hội chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và một số cân đối lớn ổn định chưa vững chắc. Cân đối ngân sách nhà nước còn khó khăn, vẫn còn thất thu, nợ đọng thuế, cơ cấu chi chưa hợp lý; chi thường xuyên tăng nhanh; một số khoản chi chưa được quản lý chặt chẽ; bội chi ngân sách còn cao, chưa đạt mục tiêu 4,5% GDP. Nợ công tăng nhanh, áp lực trả nợ lớn; nợ Chính phủ đã vượt giới hạn quy định (50,3% GDP so với quy định là không quá 50%); sử dụng vốn vay ở một số dự án kém hiệu quả và còn thất thoát, lãng phí. Đóng góp của khu vực kinh tế trong nước vào tăng trưởng xuất khẩu thấp. Thị trường vốn, chứng khoán, bất động sản phát triển thiếu bền vững. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại còn phức tạp.

2. Tăng trưởng GDP thấp hơn 5 năm trước và chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn, nhất là nông sản. Số lượng doanh nghiệp trong nền kinh tế còn ít, tăng chậm; số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động còn lớn; nhiều doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thấp. Chưa huy động được nhiều nguồn lực của khu vực ngoài nhà nước vào đầu tư phát triển. Chất lượng tăng trưởng cải thiện chậm; năng suất nhiều ngành, lĩnh vực thấp, công nghệ còn lạc hậu. Năng lực cạnh tranh quốc gia chưa cao.

3. Thực hiện ba đột phá chiến lược còn nhiều hạn chế. Thể chế kinh tế thị trường chưa thật đồng bộ, thông suốt; chưa thực sự là động lực tạo đột phá để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Cải cách hành chính và xây dựng thể chế để bảo đảm tự do, bình đẳng kinh doanh còn chưa đạt yêu cầu. Các loại thị trường vận hành còn vướng mắc, hiệu quả chưa cao.

Phát triển nguồn nhân lực, chất lượng giáo dục, đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu lao động chất lượng cao. Đổi mới giáo dục, đào tạo có mặt còn lúng túng, chưa gắn chặt chẽ với nhu cầu xã hội. Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo khắc phục chậm. Tiềm lực khoa học công nghệ còn hạn chế; cơ chế quản lý còn những bất cập; chưa có giải pháp đủ mạnh để phát triển thị trường và khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới ứng dụng khoa học công nghệ.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều mặt hạn chế, thiếu đồng bộ, chất lượng chưa cao. Quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu; quản lý đô thị còn nhiều yếu kém. Chưa có đột phá trong cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực ngoài nhà nước.

4. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm, chưa đồng bộ. Tái cơ cấu đầu tư công, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nhà nước nhiều mặt còn hạn chế. Đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp, thất thoát, lãng phí ở một số dự án còn lớn; nợ đọng xây dựng cơ bản còn cao. Chất lượng tín dụng cải thiện còn chậm, xử lý nợ xấu gặp nhiều khó khăn, chưa thực chất. Năng lực tài chính, quản trị của một số tổ chức tín dụng còn yếu. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu, tỷ lệ vốn được cổ phần hoá còn thấp. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với tài sản và nguồn lực được giao. Việc sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa đạt mục tiêu đề ra.

Cơ cấu lao động chuyển dịch chưa đáp ứng yêu cầu, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn. Sản xuất kinh doanh chưa tham gia nhiều vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao còn chậm. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới chưa đạt mục tiêu. Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn thấp. Hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm; kinh tế tập thể hoạt động còn lúng túng. Sản xuất nhiều loại nông sản còn manh mún, hiệu quả chưa cao; năng suất và thu nhập của lao động nông nghiệp còn thấp. Nhiều ngành dịch vụ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Hệ thống phân phối còn nhiều bất cập. Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Một số vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế chưa phát huy được vai trò động lực tăng trưởng; không gian phát triển còn bị chia cắt; liên kết giữa các vùng, địa phương còn hạn chế.

5. Phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội nhiều mặt còn hạn chế. Một số chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo còn chồng chéo, hiệu quả chưa cao; kết quả giảm nghèo chưa bền vững; đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Số người thiếu việc làm và việc làm không ổn định còn nhiều, nhất là ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức còn cao (khoảng 56%). Tỷ lệ bao phủ và chất lượng dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp còn thấp; quỹ bảo hiểm xã hội chưa bền vững. Công tác y tế dự phòng có mặt còn bất cập. Chất lượng khám chữa bệnh nhiều mặt còn hạn chế. Giảm quá tải bệnh viện chưa đáp ứng yêu cầu. Thực hiện tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn chậm. Quản lý hoạt động y tế tư nhân, thuốc chữa bệnh, vệ sinh, an toàn thực phẩm còn nhiều yếu kém; công nghiệp dược phát triển chậm.

Việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam chưa đạt yêu cầu; nhiều biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống gây bức xúc; tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Quản lý văn hoá nghệ thuật, lễ hội, thể dục thể thao, thông tin, báo chí có mặt còn bất cập.

6. Quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế; xử lý vi phạm chưa nghiêm. Khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả chưa cao. Tình trạng ô nhiễm môi trường chậm được cải thiện, nhất là tại một số làng nghề, lưu vực sông và khu dân cư tập trung ở nông thôn. Công tác bảo vệ, phát triển rừng và đa dạng sinh học còn bất cập. Việc khắc phục hậu quả về ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại còn nhiều khó khăn. Chất lượng dự báo, nguồn lực và khả năng phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng ngập úng ở một số thành phố lớn chậm được khắc phục. Hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở ven biển, ven sông diễn biến phức tạp, nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

7. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nhiều mặt còn hạn chế. Năng lực xây dựng và thực thi pháp luật chưa cao; một số văn bản pháp luật ban hành còn chậm, chưa phù hợp với thực tiễn; nhiều chính sách còn chồng chéo, chậm khắc phục. Chất lượng xây dựng và quản lý chiến lược, quy hoạch chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước còn chồng chéo; chức năng, nhiệm vụ có mặt còn chồng chéo; tinh giản biên chế chưa đạt yêu cầu. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chậm đổi mới. Năng lực, phẩm chất, ý thức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế. Thủ tục hành chính trong nhiều lĩnh vực còn phiền hà. Cơ chế phân cấp có mặt chưa phù hợp; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương thiếu chặt chẽ. Phòng chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu đề ra; lãng phí vẫn còn lớn. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hiệu quả chưa cao.

8. Tiềm lực quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng được yêu cầu. Bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều khó khăn, thách thức. Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thật chặt chẽ. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên một số địa bàn còn phức tạp. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng còn bất cập. Tình hình cháy nổ và trật tự an toàn giao thông diễn biến phức tạp, tai nạn còn nghiêm trọng.

9. Công tác đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế có mặt chưa thật chủ động, hiệu quả chưa cao; chưa chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng hội nhập, tranh thủ cơ hội và vượt qua thách thức. Cơ chế phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế còn bất cập. Sự gắn kết giữa hội nhập kinh tế quốc tế với quốc phòng, an ninh, văn hoá, xã hội và ngoại giao nhân dân có mặt còn hạn chế.

Nhìn lại 5 năm qua, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế, yếu kém nhưng nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, chúng ta cơ bản thực hiện được mục tiêu tổng quát đã đề ra, nhất là: Kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn ở những năm cuối; bước đầu thực hiện có kết quả các đột phá chiến lược và tái cơ cấu kinh tế; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia và gìn giữ hòa bình, hữu nghị với các nước; bảo đảm ổn định chính trị xã hội; nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong 26 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm, có 16 chỉ tiêu đạt và vượt; 10 chỉ tiêu không đạt¹⁶.

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

Trong 5 năm tới, dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động trực tiếp đến nước ta. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố có biểu hiện gia tăng. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực ngày càng quyết liệt. Tranh chấp lãnh thổ, đặc biệt là trên Biển Đông diễn biến phức tạp, gay gắt và rất khó lường. Kinh tế thế giới phục hồi chậm; thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế có nhiều rủi ro; rào cản thương mại có xu hướng gia tăng. Giá dầu thấp, khó dự báo. Một số nền kinh tế lớn tăng trưởng không ổn định và đang điều chỉnh chiến lược phát triển. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khoa học công nghệ phát triển nhanh, kinh tế thị trường, tiến bộ công bằng xã hội, dân chủ - pháp quyền, hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, vì hoà bình - phát triển và cùng chung tay giải quyết những thách thức toàn cầu là xu hướng chung của nhân loại.

Trong nước, thế và lực của ta đã lớn mạnh hơn và có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo quản lý, chỉ đạo điều hành nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhu cầu rất lớn cho đầu tư phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc vì sự phát triển bền vững... nhưng nguồn lực còn hạn hẹp, nợ công đã sát trần cho phép. Tác động của biến đổi khí hậu ngày càng nặng nề và nhanh hơn. Việt Nam trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp; nguồn vốn ODA sẽ giảm dần. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN, mở ra nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức.

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Mục tiêu tổng quát đề ra cho Kế hoạch 5 năm tới là: *Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển văn hoá, thực hiện dân chủ, tiên bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Giữ gìn hoà bình, ổn định, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. *Về kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200 - 3.500 USD. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP. Năng suất các nhân tố tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 - 35%. Năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm. Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2020 đạt 38 - 40%.

2. *Về xã hội:* Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Có 9 - 10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

3. Về môi trường: Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải nguy hại, 95 - 100% chất thải y tế được xử lý. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Phát triển và vận hành thông suốt, hiệu quả các loại thị trường; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các loại hình doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá theo cơ chế thị trường. Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, cơ chế, chính sách phân phối, phân phối lại để phát triển văn hoá, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân. Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực, tiềm lực khoa học công nghệ.

Điều hành hiệu quả các chính sách tiền tệ, tài khóa và các chính sách liên quan để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng. Bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, an ninh lương thực, năng lượng, nguồn nước... Điều hành lãi suất, tỷ giá theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm giá trị đồng tiền Việt Nam, tăng dự trữ ngoại hối. Tăng cường quản lý và từng bước cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng tỉ trọng thu nội địa và bảo đảm tỉ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên, chi đầu tư, chi trả nợ; phấn đấu giảm dần bội chi. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả nợ công, bảo đảm an toàn tài chính quốc gia. Tăng cường huy động các nguồn lực ngoài Nhà nước cho đầu tư phát triển. Thực hiện lộ trình giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu gắn với hỗ trợ đối tượng chính sách, người nghèo. Đẩy mạnh xã hội hóa, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập, giao quyền tự chủ phù hợp và hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp đối với các đơn vị có đủ điều kiện. Khai thác tốt các cam kết quốc tế, tham gia hiệu quả các chuỗi giá trị, mở rộng và đa dạng hoá thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu; kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững. Tăng cường xúc tiến thương mại gắn với xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam. Phát triển mạnh thị trường trong nước, có biện pháp phù hợp để doanh nghiệp trong nước tham gia sâu rộng vào thị trường bán lẻ nội địa; tăng cường quản lý thị trường, giá cả và phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tiếp tục triển khai Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế và tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực. Thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững; phát triển kinh tế tri thức. Tập trung thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp khởi nghiệp.

Nâng cao hiệu quả tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của người dân. Xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hoá quy mô lớn; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực quốc gia và vệ sinh, an toàn thực phẩm. Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp¹⁷. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài nhà nước để thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực nông nghiệp bình quân khoảng 2,5 - 3%, đến năm 2020 có khoảng 40 - 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Đẩy mạnh tái cơ cấu công nghiệp theo hướng phát triển nhanh các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ, có tỉ trọng giá trị quốc gia, giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu và bền vững, thân thiện môi trường. Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, phần mềm và ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ theo cụm liên kết ngành. Phát triển vững chắc, hiệu quả và từng bước hình thành tổ hợp công nghiệp quốc phòng, an ninh. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, chất lượng cao. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 8,0 - 8,5%/năm; đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP khoảng 40%.

Phát triển nhanh các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có lợi thế, có công nghệ và giá trị gia tăng cao¹⁸. Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu, tạo thuận lợi về thủ tục xuất nhập cảnh, đi lại và bảo đảm an toàn, an ninh. Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ; chú trọng thương mại điện tử; chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu. Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Phát triển vận tải với cơ cấu hợp lý, hiệu quả, chú trọng vận tải đa phương thức và logistics. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các dịch vụ y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, văn hoá, thể thao... Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân 6,6 - 7,1%/năm, tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP đạt 45% vào năm 2020.

Phát triển mạnh kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển đảo. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển; khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển đảo. Đẩy nhanh điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển đảo.

Chú trọng phát triển kinh tế vùng, nâng cao chất lượng xây dựng và quản lý quy hoạch, bảo đảm công khai, minh bạch. Phát triển hài hòa các khu vực, các địa bàn khó khăn. Phát triển các hành lang, vành đai kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu. Xây dựng một số đặc khu kinh tế với thể chế có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn của Nhà nước và tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước. Bố trí vốn tập trung, công khai, minh bạch; ưu tiên vốn đối ứng cho các dự án ODA quan trọng, thu hồi vốn ứng trước, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, vốn cho các công trình chuyển tiếp cấp thiết, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng, trong đó có các dự án PPP, xây dựng nông thôn mới và các vùng khó khăn. Từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, thân thiện môi trường, nhất là tại các đô thị lớn. Tăng cường phân cấp, đề cao trách nhiệm, tính chủ động cho các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư.

Tiếp tục cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, nâng cao năng lực quản trị, tiềm lực tài chính, hiệu quả hoạt động. Thực hiện công khai, minh bạch và áp dụng chuẩn mới về quản trị ngân hàng theo thông lệ quốc tế. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC). Tăng cường thanh tra, giám sát, xử lý nghiêm các sai phạm, các hành vi thao túng gây hậu quả nghiêm trọng, bảo đảm an toàn hệ thống.

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu; nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động; thực hiện tốt quy định về phá sản doanh nghiệp. Tập trung cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, bán hết phần vốn Nhà nước không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường; sử dụng một phần số tiền thu được cho đầu tư phát triển. Phân định rõ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao. Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp. Phát triển mạnh các loại hình và nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế. Hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp xã hội, kinh tế hộ gia đình. Thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường, tạo nhiều việc làm và thu nhập. Phát triển bền vững và nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao,

thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và phân bổ lao động hợp lý, khai thác tốt cơ hội dân số vàng. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo hướng mở, hội nhập, xây dựng xã hội học tập, phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách đạo đức, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nhất là đào tạo nghề và giáo dục đại học; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đẩy mạnh tự chủ và đề cao trách nhiệm của các cơ sở giáo dục công lập đại học và dạy nghề. Phát triển hợp lý và bảo đảm bình đẳng giữa giáo dục công lập và ngoài công lập. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho giáo dục phổ cập; hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo cho các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách. Có cơ chế đặc thù để tuyển chọn và trọng dụng nhân tài.

Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao tiềm lực và hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, khuyến khích mạnh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ. Thực hiện cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ theo mô hình tiên tiến, triển khai những dự án quan trọng, các sản phẩm trọng điểm quốc gia. Nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và các quỹ phát triển khoa học công nghệ; khuyến khích các quỹ đầu tư mạo hiểm. Tăng cường thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao.

4. Phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà với phát triển kinh tế. Triển khai thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững sau năm 2015 của Liên hợp quốc. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với người có công; phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả. Tập trung giải quyết việc làm, nhất là khu vực nông thôn và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, chú trọng giảm nghèo nhanh trong đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn đặc biệt khó khăn. Mở rộng đối tượng tham gia, phát triển bền vững quỹ bảo hiểm xã hội; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Nghiên cứu điều chỉnh tuổi nghỉ hưu phù hợp. Làm tốt công tác trợ giúp xã hội. Cải cách chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường gắn với tăng năng suất lao động. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ. Có cơ chế để công đoàn, tổ chức đại diện cho người lao động và tổ chức đại diện người sử dụng lao động giám sát thực hiện thoả ước lao động tập thể. Thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam.

Tăng cường quản lý nhà nước về y tế. Nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng, chất lượng khám chữa bệnh, khắc phục nhanh tình trạng quá tải bệnh viện. Hoàn thành xây dựng một số bệnh viện tuyến cuối; nhân rộng mô hình bệnh viện vệ tinh và bác sĩ gia đình, chuyển giao kỹ thuật và luân chuyển bác sĩ cho tuyến dưới. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khám chữa bệnh. Phát triển đội ngũ cán bộ y tế, nhất là nhân lực trình độ cao và nâng cao y đức. Phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở, chú trọng phát triển y tế ở miền núi, biên giới, hải đảo. Đổi mới cơ chế tài chính, điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo lộ trình, hỗ trợ phù hợp các đối tượng chính sách, người nghèo. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Phát triển y học cổ truyền và công nghiệp dược. Tăng cường quản lý thuốc chữa bệnh và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Phát triển dân số bền vững, phân đầu tuổi thọ trung bình đến năm 2020 đạt 74 - 75 tuổi.

Tiếp tục xây dựng văn hoá, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá. Khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hoá, văn học nghệ thuật; làm tốt công tác bảo hộ quyền tác giả. Bảo tồn, phát huy các di sản và giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế, quảng bá văn hoá Việt Nam. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, người khuyết tật, gia đình, thanh thiếu niên, bình đẳng giới, bà mẹ, trẻ em và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án quy hoạch phát triển và quản lý báo chí.

5. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách, tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động các nguồn lực và sự tham gia của toàn xã hội; chú trọng thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu thô. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất. Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước và chủ động hợp tác quốc tế trong việc quản lý, sử dụng bền vững nguồn nước xuyên quốc gia.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ và xử lý môi trường. Hạn chế, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu công nghiệp, các đô thị và khu dân cư tập trung ở nông thôn. Khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại. Phát triển và bảo vệ rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao khả năng chống chịu, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở ven biển, ven sông; ưu tiên đầu tư các dự án quan trọng, cấp thiết; có các giải pháp phù hợp để bảo đảm cuộc sống của người dân ở vùng bị thiên tai. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và các nguyên vật liệu thân thiện môi trường. Thực hiện các cam kết về giảm phát thải khí nhà kính (Hội nghị COP-21).

6. Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân đi đôi với tuân thủ pháp luật; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo điều kiện thuận lợi, an toàn để kinh tế thị trường vận hành đầy đủ, thông suốt, hiệu quả và hội nhập quốc tế; phát huy mạnh mẽ dân chủ, quyền tự do kinh doanh, tự do sáng tạo của người dân.

Nâng cao hiệu lực hiệu quả bộ máy nhà nước, bảo đảm tinh gọn, trong sạch vững mạnh. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, đạo đức, năng lực, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao. Đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ, công chức. Đẩy mạnh ứng dụng, thuê dịch vụ công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và Chính phủ điện tử. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật. Hoàn thiện cơ chế phân cấp, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp.

Tập trung chỉ đạo, phối hợp tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, phát huy quyền của công dân trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, kiện toàn mô hình tổ chức cơ quan chuyên trách và thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí. Tăng cường giám sát và phòng chống tham nhũng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các cơ quan thông tin truyền thông. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ người phát hiện, tố cáo tham nhũng. Thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng.

7. Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường hoà bình để xây dựng và phát triển đất nước; không để bị động, bất ngờ. Xây dựng Quân đội nhân dân,

Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển. Chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, công an xã và dự bị động viên. Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở những địa bàn trọng yếu, chiến lược. Quan tâm xây dựng đường tuần tra biên giới. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế quốc phòng và phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực biên giới và biển đảo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh; tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế; khẩn trương hoàn thành phân định biên giới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

8. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế.
Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại đa phương, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc. Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và các thỏa thuận của khu vực, tôn trọng tiến trình ngoại giao và pháp lý.

Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do đã ký, tiếp tục đàm phán các Hiệp định mới. Nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại. Làm tốt công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân; tạo thuận lợi để kiều bào tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa Quốc hội,

Thưa đồng chí, đồng bào,

Chúng ta thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trong bối cảnh có nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Chính phủ sẽ khẩn trương xây dựng chương trình hành động để triển khai thực hiện Kế hoạch 5 năm được Quốc hội thông qua tại kỳ họp này và tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

Chính phủ xin trân trọng đề nghị Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và đồng chí, đồng bào cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng tăng cường giám sát, ủng hộ, chung sức đồng lòng, tranh thủ thời cơ thuận lợi, nỗ lực vượt qua khó khăn thách thức, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa, phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng.

Xin cảm ơn các vị đại biểu, đồng chí, đồng bào./.

Chú thích

¹ Các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch là: Tăng trưởng GDP đạt 6,68% (đã báo cáo Quốc hội là 6,5%); chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,6% (đã báo cáo là 1,5 - 2,5%); tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 2,2% (đã báo cáo là 3,6%); tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP là 32,6% (đã báo cáo là 30,5%); tạo việc làm 1,625 triệu lao động (đã báo cáo là 1,6 triệu lao động); tỉ lệ giảm hộ nghèo 1,7 - 2%, riêng các huyện nghèo giảm 5% (đã báo cáo là 1,7 - 2%, riêng các huyện nghèo 4%); tỷ lệ thất nghiệp lao động ở thành thị là 3,29% (đã báo cáo dưới 4%); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng là 14,1% (đã báo cáo 14,1%, kế hoạch là dưới 15%); số giường bệnh trên 1 vạn dân là 24 (số đã báo cáo là 24, kế hoạch là 23,5); tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý là 90% (đã báo cáo 92,5%, kế hoạch là 90%); tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường là 84% (đã báo cáo 84%, kế hoạch là 82%).

Các chỉ tiêu không đạt kế hoạch là: Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu là 7,9% (đã báo cáo và kế hoạch là khoảng 10%); tỷ lệ che phủ rừng là 40,73% (đã báo cáo là 40,73%, kế hoạch là 42%).

² Tăng trưởng GDP năm 2008 là 5,66%; năm 2009 là 5,4%; năm 2010 là 6,42%; năm 2011 là 6,24%; năm 2012 là 5,25%; năm 2013 là 5,42%; năm 2014 là 5,98%; năm 2015 là 6,68%.

³ Tốc độ tăng giá tiêu dùng năm 2001 là 0,8%, năm 2002 là 4%, năm 2003 là 3%; năm 2004 là 9,5%; năm 2005 là 8,4%; năm 2006 là 6,6%; năm 2007 là 12,6%; năm 2008 là 19,89%; năm 2009 là 6,52%; năm 2010 là 11,75%; năm 2011 là 8,13%; năm 2012 là 6,81%, năm 2013 là 6,04%, năm 2014 là 1,84%; năm 2015 là 0,6%.

⁴ Trong giai đoạn 2011 - 2015, Quốc hội đã ban hành 100 Bộ luật, luật; Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành 11 Pháp lệnh; Chính phủ đã ban hành 668 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 340 Quyết định; các Bộ, ngành đã ban hành 3.327 Thông tư và 439 Thông tư liên tịch; tổng số 4.774 văn bản dưới luật được ban hành.

⁵ Quốc hội đã ban hành 38 Luật (Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật NSNN, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Việc làm...).

⁶ Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 259 quy hoạch và các Bộ, ngành phê duyệt 231 quy hoạch. Điều chỉnh bổ sung quy hoạch 6 vùng kinh tế - xã hội, 4 vùng kinh tế trọng điểm, 41 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố.

⁷ Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), chỉ số cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam về chất lượng cơ sở hạ tầng chung tăng 24 bậc, từ 123/139 (2010) lên 99/140 (2015); trong đó chỉ số về hạ tầng giao thông vận tải tăng 36 bậc, từ 103/139 (2010) lên 67/140 (2015).

Hoàn thành các công trình, dự án quan trọng: Các tuyến đường Hà Nội - Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Bến Lức - Long Thành, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Hải Phòng, Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nhật Tân - Nội Bài, mở rộng Quốc lộ 1, Đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên; nhiều cầu lớn (Nhật Tân, Vĩnh Thịnh, Cổ Chiên...); Nhà ga T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng hàng không Phú Quốc mới, sân bay Thọ Xuân, cải tạo Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cảng hàng không quốc tế Vinh; cảng Cái Mép - Thị Vải, ...

Trong 5 năm 2011 - 2015, đã tăng thêm 18,1 nghìn MW công suất nguồn; khoảng 7,6 nghìn km truyền tải 500 kV, 220 kV và 37,4 nghìn MVA công suất các trạm biến áp. Nhiều công trình lớn đã hoàn thành: Nhà máy thủy điện Sơn La, phát điện tổ máy 1 nhà máy thủy điện Lai Châu; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, phát điện 2 tổ máy nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, Vĩnh Tân; đưa điện lưới ra các đảo Phú Quốc, Lý Sơn, Cô Tô, Vân Đồn...

Đến nay, đã đưa vào sử dụng vệ tinh Vinasat-2 và VNREDSat-1. Tốc độ kết nối internet băng thông rộng đạt 17,3Mbps, tốc độ kết nối di động băng thông rộng 1,9Mbps. Tổng số thuê bao di động đạt 128.800.000 thuê bao vào cuối năm 2015.

Bảo đảm tưới trực tiếp cho 3,5 triệu ha đất canh tác, tạo nguồn tưới cho hơn 1 triệu ha, tiêu cho 1,7 triệu ha. Tỉ lệ đô thị hoá dự báo đạt khoảng 35%.

⁸ Theo số liệu báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đến cuối năm 2015, nợ xấu còn 2,55%.

⁹ Tổng tài sản của DNNN (theo báo cáo của công ty mẹ) năm 2015 tăng khoảng 36% so với năm 2010, vốn chủ sở hữu tăng 62%, doanh thu tăng 18%, lợi nhuận trước thuế tăng 56%; theo báo cáo hợp nhất tổng tài sản tăng 26%, vốn chủ sở hữu tăng 57%, doanh thu tăng 14%, lợi nhuận trước thuế tăng 16%.

¹⁰ Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 6 vùng kinh tế - xã hội, 4 vùng kinh tế trọng điểm.

¹¹ Trong 5 năm, có 10 di sản được UNESCO vinh danh, nâng tổng số di sản được UNESCO vinh danh lên 22; có 51 di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt, 275 di tích được xếp hạng quốc gia.

¹² Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), chỉ số xếp hạng toàn cầu về năng lực cạnh tranh (GCI) của Việt Nam năm 2010 xếp thứ 75/139 quốc gia, năm 2011 xếp thứ 65/142 quốc gia, năm 2012 xếp thứ 75/144 quốc gia, năm 2013 xếp thứ 70/148 quốc gia, năm 2014 xếp thứ 68/144 quốc gia, năm 2015 xếp thứ 56/140 quốc gia.

¹³ Báo cáo tổng kết 5 năm công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông 2011 - 2015 của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia.

¹⁴ Quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước: Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Anh, Đức, Italy, Pháp, Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Philippines.

Quan hệ đối tác toàn diện với 10 nước: Nam Phi, Chi lê, Bra-xin, Vê-nê-xu-ê-la, Úc, Niu Di lân, Argentina, U-crai-na, Hoa Kỳ, Đan Mạch.

¹⁵ Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương đã ký: Việt Nam - Chi-lê (CVFTA); Hiệp định đối tác kinh tế Việt - Nhật (VJEPA); Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu (gồm Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan); Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA); Việt Nam - EU (EVFTA).

Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương đã tham gia: Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA); các FTA giữa ASEAN với các nước: Trung Quốc (ACFTA), Hàn Quốc (AKFTA), Nhật Bản (AJFTA), Ấn Độ (AIFTA), Úc-Niu Di lân (AANZFTA); Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Các FTA đang đàm phán: FTA giữa Việt Nam và Israel; FTA giữa Việt Nam và Khối Thương mại tự do Châu Âu (gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Ai-xơ-len, Lích-ten-xtên); Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực RCEP (gồm ASEAN và Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Niu Di-lân, Trung Quốc); FTA ASEAN - Hồng Kông.

¹⁶ Có 16 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch gồm: Tỷ lệ nhập siêu trong kim ngạch xuất khẩu đến năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm là 2% (kế hoạch dưới 10%); Tiêu tốn năng lượng tính trên GDP bình quân 5 năm so với năm cuối kỳ kế hoạch giai đoạn trước giảm 6,55% (kế hoạch giảm 2,5% - 3%); Tỷ lệ huy động thuế và phí vào ngân sách trong GDP bình quân 5 năm khoảng 21% (kế hoạch không quá 22% - 23%); Nợ công so với GDP vào năm cuối kỳ khoảng 62,2% (kế hoạch dưới 65%); Nợ nước ngoài của quốc gia so với trong GDP vào năm cuối kỳ khoảng 43,1% (kế hoạch dưới 50%); Chỉ số giá tiêu dùng vào năm cuối kỳ khoảng 0,6% (kế hoạch khoảng 5 - 7%); Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị vào năm cuối kỳ 3,29% (kế hoạch dưới 4%); Thu nhập thực tế của dân cư vào năm cuối kỳ so với năm cuối kỳ giai đoạn trước khoảng 2,85 - 2,9 lần (kế hoạch 2 - 2,5 lần); Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân hàng năm khoảng 2% (kế hoạch khoảng 2%); Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân hàng năm đối với các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn khoảng 6% (kế hoạch khoảng 4%); Diện tích nhà ở bình quân vào năm cuối kỳ khoảng 22m² (kế hoạch 22m²); Diện tích sàn nhà ở bình quân đô thị vào năm cuối kỳ khoảng 26m² (kế hoạch 26m²); Tốc độ tăng dân số vào năm cuối kỳ là 1,07% (kế hoạch khoảng 1%); Số bác sỹ trên 1 vạn dân vào năm cuối kỳ đạt 8 bác sỹ (kế hoạch 8 bác sỹ); Số giường bệnh (không tính giường trạm y tế xã) trên 1 vạn dân vào năm cuối kỳ đạt 24 giường (kế hoạch 23 giường); Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vào năm cuối kỳ được xử lý đạt 90% (kế hoạch 85%).

Có 10 chỉ tiêu không đạt là: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm 5,91% (kế hoạch 6,5 - 7,0%); Tỷ trọng đầu tư toàn xã hội so với GDP bình quân 5 năm 31,7% (kế hoạch 33,5 - 35%); Bội chi NSNN vào năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm 6,1% (kế hoạch <4,5%); Nợ của Chính phủ so với GDP đến năm cuối kỳ khoảng 50,3% (kế hoạch không quá 50%); Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp 18,37% (kế hoạch 30%); Tỷ lệ đổi mới công nghệ bình quân 5 năm 10,68% (kế hoạch 13%); Tăng năng suất lao động xã hội đến năm cuối kỳ so với cuối kỳ giai đoạn trước 23,6% (kế hoạch 29 - 32%); Số lao động được tạo việc làm 5 năm là 7,8 triệu (kế hoạch là 8 triệu); Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế vào năm cuối kỳ là 51,6% (kế hoạch 55%); Tỷ lệ che phủ rừng vào năm cuối kỳ là 40,73% (kế hoạch 42 - 43%).

¹⁷ Triển khai Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11-5-2014 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Tập trung lập phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp; hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp.

¹⁸ Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics, vận tải đa phương thức, công nghệ thông tin, thương mại điện tử...